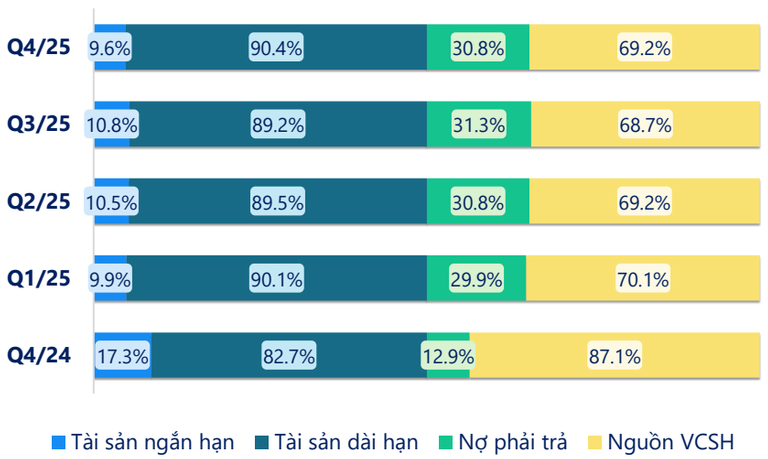
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	24,715,958
KLGD BQ 20 phiên (CP)	276,345
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44
P/E	-3.3
EPS	-540

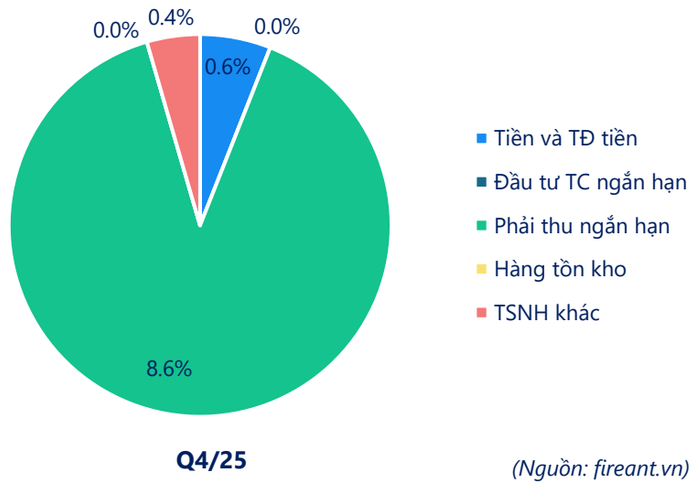
	YTD	1T	3T	6T
FID	20.0%	20.0%	12.5%	-18.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



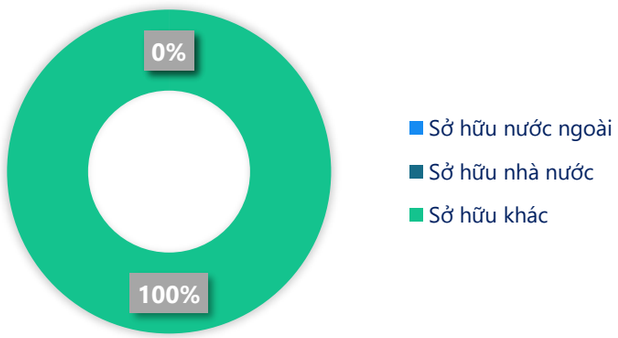
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



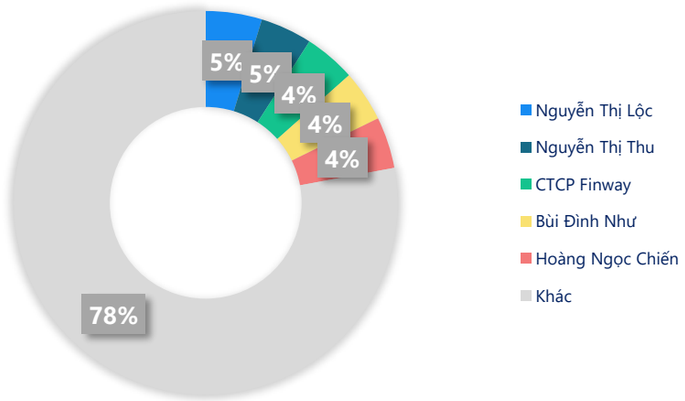
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



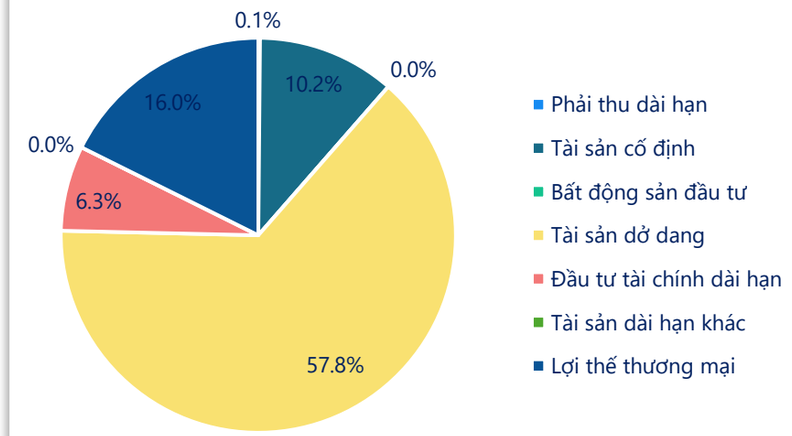
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

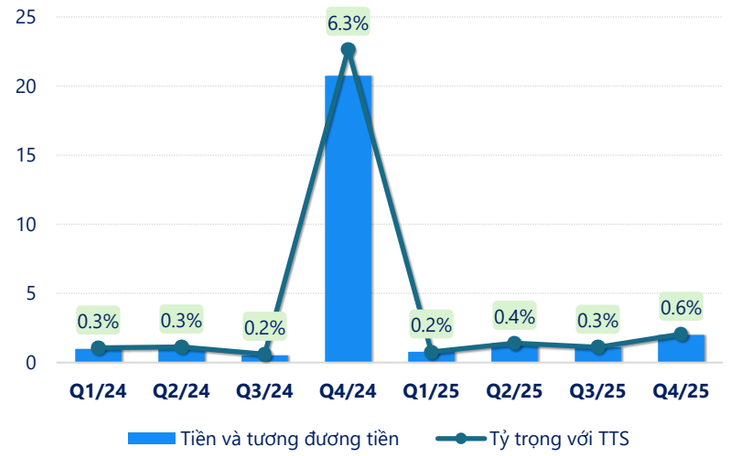


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

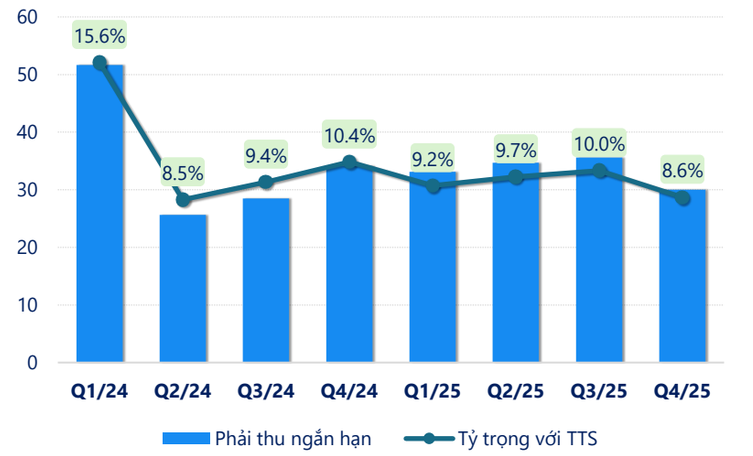
CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)

Tiền và tương đương tiền



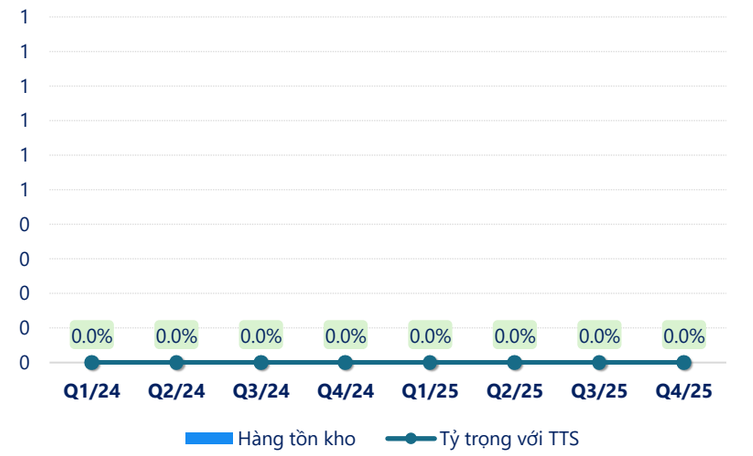
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



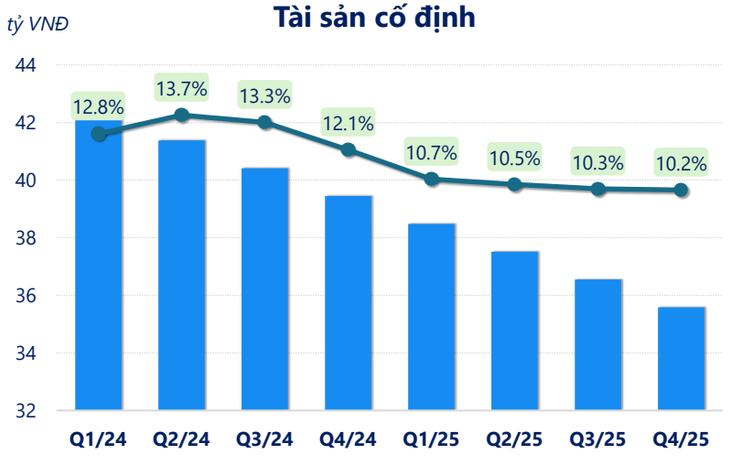
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



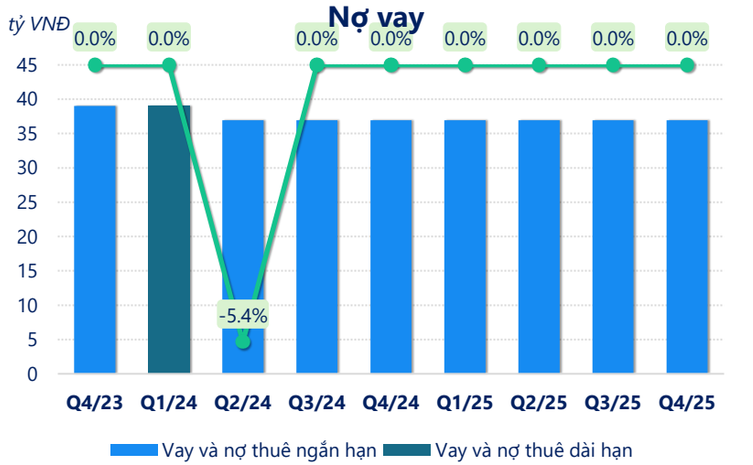
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



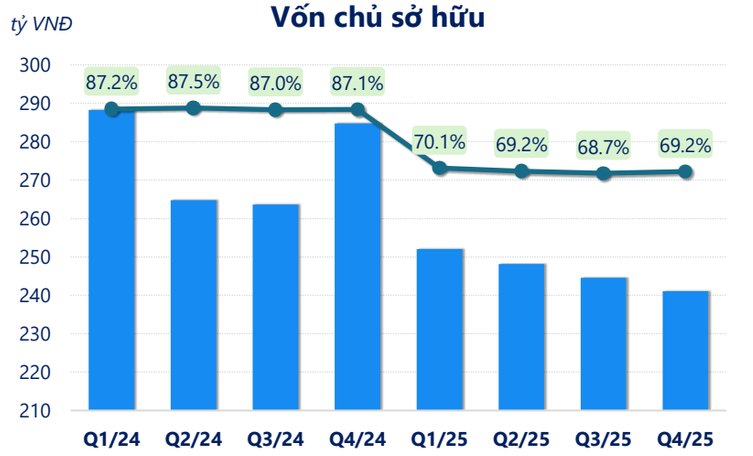
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

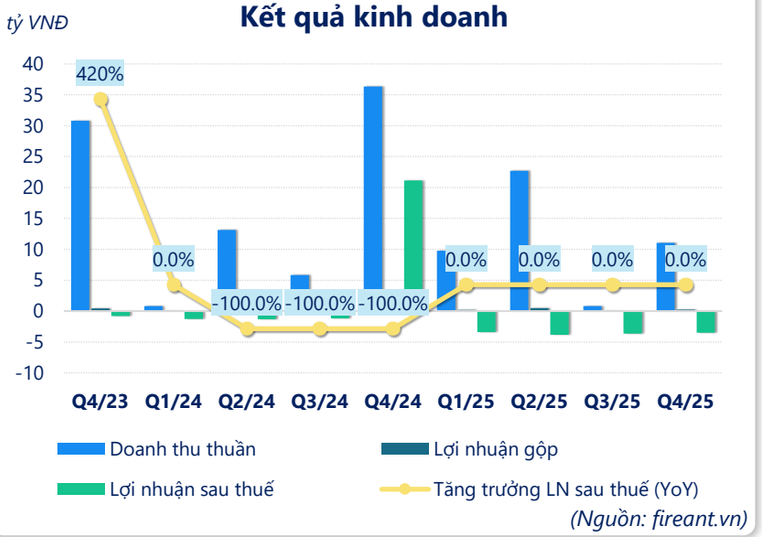


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

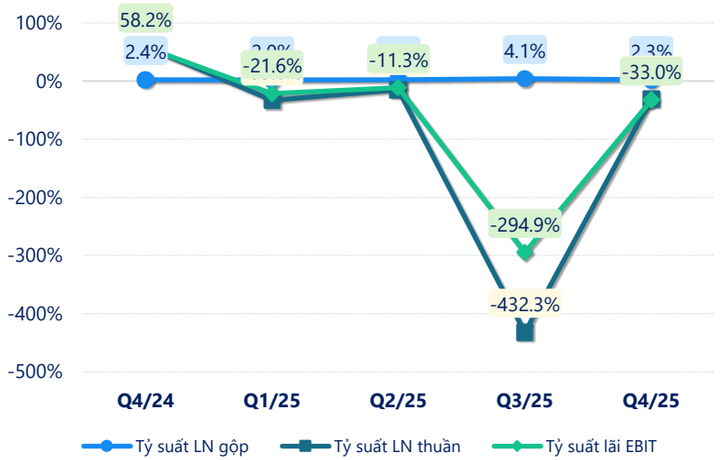
CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)

Kết quả kinh doanh



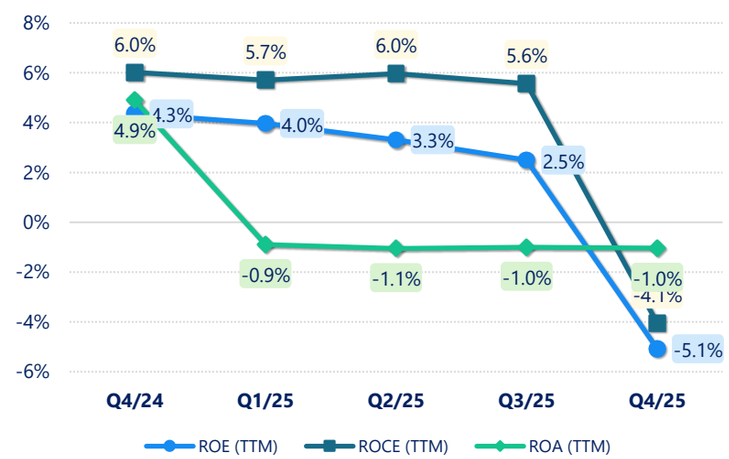
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



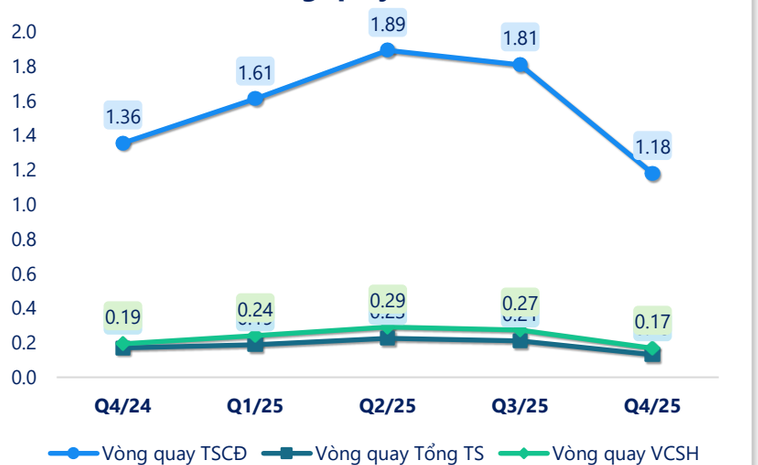
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



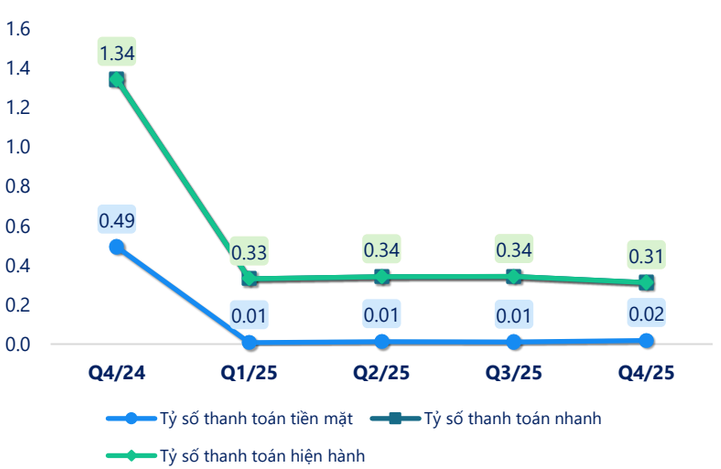
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



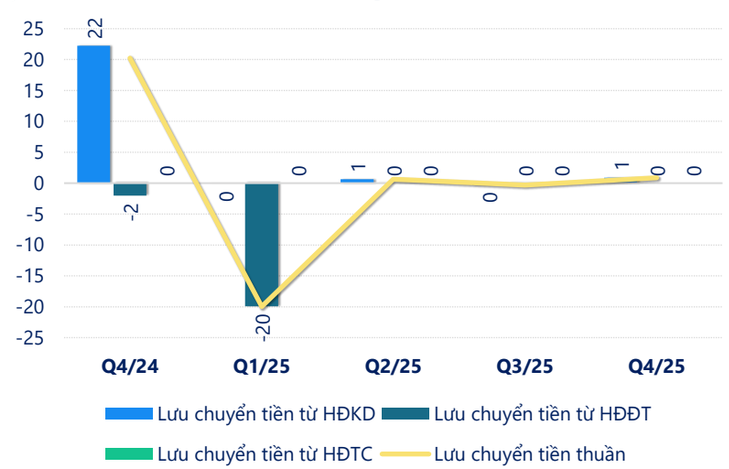
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (HNX: FID)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**349**	**361**	**-3.5%**
Tài sản ngắn hạn	33.5	56.6	-40.7%
Tiền và tương đương tiền	2.01	20.7	-90.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	30.0	34.1	-12.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	1.69	-10.9%
Tài sản dài hạn	**315**	**305**	**3.4%**
Phải thu dài hạn	0.44	0.44	0.0%
Tài sản cố định	35.6	39.4	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	201	201	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0.14**	**-100%**
Lợi thế thương mại	55.6	63.3	-12.1%
Nợ phải trả	107	106	1.6%
Nợ ngắn hạn	**107**	**106**	**1.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.9	36.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.16	4.15	-47.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**241**	**255**	**-5.6%**
Vốn chủ sở hữu	**241**	**255**	**-5.6%**
Vốn điều lệ	247	247	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	36.4	9.76	22.7	0.80	11.0
Giá vốn hàng bán	35.5	9.56	22.2	0.76	10.8
Lợi nhuận gộp	0.86	0.20	0.47	0.03	0.25
Doanh thu HĐTC	0.00	0.06	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	1.31	1.28	1.29	-0.16
Chi phí lãi vay	0	1.31	1.28	1.29	-0.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	-21.0	2.17	2.54	2.18	3.86
LN thuần từ HĐKD	21.8	-3.22	-3.35	-3.44	-3.45
Lợi nhuận khác	-0.69	-0.20	-0.49	-0.20	-0.03
LN trước thuế	21.2	-3.42	-3.83	-3.64	-3.48
Lợi nhuận sau thuế	21.2	-3.42	-3.83	-3.64	-3.48
LNST của CĐ cty mẹ	16.2	-3.08	-3.48	-3.29	-3.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.2	-0.03	0.63	-0.30	0.89
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.00	-19.9	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.52	20.7	0.78	1.41	1.11
Lưu chuyển tiền thuần	**20.2**	**-20.0**	**0.63**	**-0.30**	**0.89**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.7	0.78	1.41	1.11	2.01

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic